TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MANG THÍT** TỈNH VĨNH LONG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 19/2023/QĐST-DS	*Mang Thít, ngày 14 tháng 8 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 04 tháng 8 năm 2023 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 166/2022/TLST - DS ngày 26 tháng 10 năm 2022.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1/ Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Nguyễn Nhựt T, sinh năm 1985.

Địa chỉ: ấp TQ, xã TAH, huyện MT, tỉnh Vĩnh Long.

- *Bị đơn:* Nguyễn Văn G, sinh năm 1961 .

Địa chỉ: ấp TQ, xã TAH, huyện MT, tỉnh Vĩnh Long.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1. **Bà Nguyễn Thị T1**, sinh năm: 1937 (mẹ ruột ông G).

Địa chỉ: ấp TQ, xã TAH, huyện MT, tỉnh Vĩnh Long.

Người bảo vệ quyền và lợi ích của bà T1: Ông Lê Văn Nhẫn – Trợ G viên pháp lý của Trung tâm trợ G pháp lý nhà nước tỉnh Vĩnh Long.

2. **Bà Nguyễn Thị N**, sinh năm 1956 (con ruột ông Nị).

Địa chỉ: ấp TQ, xã TAH, huyện MT, tỉnh Vĩnh Long

3. **Bà Trần Thị Thu H**, sinh năm 1970 (vợ ông Tính)

4. **Chị Nguyễn Thị Kim T2**, sinh năm 2003 (con ruột ông Tính).

Cùng địa chỉ: ấp AP, xã AQ, huyện TP, tỉnh Bến Tre,

5. **Chị Nguyễn Thị Tuyết M1**, sinh năm 1982 (con ruột ông Tính).

Địa chỉ: ấp TT, xã A, huyện MT, tỉnh Vĩnh Long.

6. Ông **Nguyễn Văn M2,** sinh năm 1963.

Địa chỉ: ấp TQ, xã TAH, huyện MT, tỉnh Vĩnh Long

2/ Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Chia cho bà Trần Thị Thu H, chị Nguyễn Thị Tuyết M1, anh Nguyễn Nhựt T, chị Nguyễn Thị Kim T2 được hưởng phần đất có diện tích 2874,6m^2, thuộc tách thửa 198-2 (506-2), mục đích sử dụng: ONT + CLN; gồm các mốc 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11, 12, 13, 18, 17, 16, 20, 24, 25, 4; trong đó, có diện tích 150m^2, loại đất ONT gắn liền căn nhà cấp 4, cột bê tông cốt thép, vách tường, mái tol, nền gạch men; tách thửa 198-3 (506-3), diện tích 86,7m^2, mục đích sử dụng: CLN; gồm các mốc 16, 17, 18, 19, 16 và tách thửa 219 (457), diện tích 1194,5m^2, mục đích sử dụng: LUC; gồm các mốc 1, 2, 3, 4, 1; cùng tờ bản đồ số 10 (4), cùng tọa lạc ấp TQ, xã TAH, huyện MT, tỉnh Vĩnh Long do ông Nguyễn Văn N2 đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 26/10/1993.

Ông Nguyễn Văn G có nghĩa vụ tháo dỡ, di dời chuồng bò (có kết cấu cột bê tông, mái tole, nền xi măng) và di dời 12 cây mai vàng trên phần đất có diện tích 2.874,6m^2, thuộc tách thửa 198-2 (506-2) mà bà H, anh T, chị M1, chị T2 được chia.

2.2. Chia cho ông Nguyễn Văn G được hưởng phần đất có diện tích 1942,2m^2, thuộc tách thửa 198-1 (506-1), mục đích sử dụng: ONT + CLN; gồm các mốc 1, 2, 3, 4, 25, 24, 23, 26, 27, 28, 29, 30, 1; trong đó có diện tích 150m^2 loại đất ONT, gắn liền căn nhà cấp 4, cột bê tông cốt thép, vách tường, mái tol, nền gạch men và một hàng rào lưới B40, trụ bê tông, cốt thép, cao 2m, chạy dài hết chiều ngang phần diện tích đất mà ông G được chia; tách thửa 198-6 (506-6), diện tích 48,0m^2, mục đích sử dụng: CLN; gồm các mốc 20, 21, 23, 24, 20; tách thửa 198-5 (506-5), diện tích 1199,9m^2, mục đích sử dụng: CLN; gồm các mốc 20, 21, 22, K, H, 15, 16, 20; tách thửa 198-4 (506-4), diện tích 303m^2, mục đích sử dụng: CLN; gồm các mốc 13, 14, 15, 16, 19, 18, 13, cùng tờ bản đồ số 10 (4), cùng tọa lạc ấp TQ, xã TAH, huyện MT, tỉnh Vĩnh Long do ông Nguyễn Văn N1 đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 26/10/1993.

Anh T có nghĩa vụ di dời 25 cây sầu riêng ra khỏi phần đất có diện tích 1.942,2 m^2, thuộc tách thửa 198-1 (506-1) mà ông G được chia.

Ông Nguyễn Văn G phải dành cho bà Trần Thị Thu H, chị Nguyễn Thị Tuyết M1, anh Nguyễn Nhựt T, chị Nguyễn Thị Kim T2 lối thoát nước từ tách thửa đất 198-2 (506-2), diện tích 2.874,6m^2 mà bà H, anh T, chị M1, chị T2 được chia qua tách thửa đất 198-6 (506–6), diện tích 48,0m^2 mà ông G được chia để ra rạch công cộng.

(Có trích đo bản đồ hiện trạng khu đất ngày 24/5/2023 của Chi nhánh Văn Phòng đăng ký đất đai huyện Mang Thít kèm theo).

Các đương sự có quyền, nghĩa vụ liên hệ cơ quan có thẩm quyền đăng ký, kê khai quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

2.3. *Chi phí tố tụng*: số tiền 4.500.000 đồng (Bốn triệu năm trăm nghìn đồng) tiền khảo sát, đo đạc và xem xét thẩm định tại chỗ. Ông G phải nộp 2.250.000 đồng (Hai triệu hai trăm năm mươi ngàn đồng). Bà Trần Thị Thu H, chị Nguyễn Thị Tuyết M1, anh Nguyễn Nhựt T, chị Nguyễn Thị Kim T2 phải nộp 2.250.000 đồng. Ông Nguyễn Văn G đã nộp 4.500.000 đồng nên bà H, chị M1, anh T, chị T2 phải liên đới nộp 2.250.000 đồng (Hai triệu hai trăm năm mươi ngàn đồng) hoàn trả cho ông G.

2.4. *Án phí*: Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 7 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Bà Trần Thị Thu H, chị Nguyễn Thị Tuyết M1, anh Nguyễn Nhựt T, chị Nguyễn Thị Kim T2 liên đới nộp 14.235.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm được khấu trừ 671.000 đồng (Sáu trăm bảy mươi mốt nghìn đồng) tạm ứng án phí anh Nguyễn Nhựt T đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mang Thít theo lai thu số 0007423 ngày 26 tháng 10 năm 2022. Bà H, chị M1, anh T, chị T2 còn phải nộp thêm số tiền 13.564.000 đồng (Mười ba triệu năm trăm sáu mươi bốn nghìn đồng).

- Ông Nguyễn Văn G là người cao tuổi nên được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

3/ Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4/ Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Phòng kiểm tra nghiệp vụ TAT;
- VKSND huyện Mang Thít;
- Chi cục THADS huyện Mang Thít;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(đã ký)

Võ Thị Tám